

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa.

- Đưa toàn bộ hoạt động của chính quyền lên môi trường số một cách an toàn, được vận hành dựa trên dữ liệu nhằm hỗ trợ các cơ quan, đơn vị ra quyết định kịp thời và giải quyết hiệu quả, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Chuyển đổi số phải gắn với tự chủ về công nghệ; bảo đảm chủ quyền số quốc gia, an ninh mạng, an ninh dữ liệu; bảo vệ chủ quyền dữ liệu, dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bí mật nhà nước và các hệ thống thông tin quan trọng.

- Thể chế số, hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số là các trụ cột cốt lõi của chuyển đổi số; trong đó, thể chế số phải đi trước một bước; hạ tầng số phải hiện đại, đồng bộ; dữ liệu số là tài nguyên chiến lược; nền tảng số dùng chung là công cụ triển khai thống nhất; nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ và giải quyết các bài toán lớn của quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai đồng bộ Khung kiến trúc số tỉnh, các nền tảng dùng chung xuyên suốt từ tỉnh đến cấp xã; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt, đồng bộ, thống nhất và thực hiện các mục tiêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Phấn đấu 100% hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng dùng chung và các cơ sở dữ liệu của tỉnh được rà soát, đánh giá, tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa toàn diện theo tiêu chuẩn chung, bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước; liên thông, kết nối, chia sẻ, tích hợp nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, đáp ứng yêu cầu thiết thực của người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo đột phá trong cải cách hành chính, điều hành, quản trị công và phát triển bền vững.

- Xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng.

- Tập trung xây dựng, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, phục vụ chỉ đạo điều hành các cấp.

- Góp phần vào mục tiêu của quốc gia đến năm 2045: Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về chính phủ điện tử/chính phủ số; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể: gồm 25 chỉ tiêu; chia thành 04 nhóm.

- Chỉ tiêu về phát triển hạ tầng số: 05 chỉ tiêu;

- Chỉ tiêu về phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động: 09 chỉ tiêu;

- Chỉ tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: 05 chỉ tiêu;

- Chỉ tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số: 06 chỉ tiêu.

(Chi tiết các chỉ tiêu cụ thể và phân công cơ quan theo dõi, chủ trì thực hiện chỉ tiêu tại Phụ lục 1 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai chính quyền số; xây dựng và ban hành các quy định, quy chế, chính sách phục vụ triển khai, quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu, nâng cao chất lượng các dịch vụ công trực tuyến cũng như các hoạt động thực thi công vụ trên môi trường số.

Điều chỉnh tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định; ưu tiên bố trí sắp xếp cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm công nghệ thông tin trong tổng biên chế của đơn vị để đảm bảo triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và thực thi nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, địa phương đạt hiệu quả.

2. Phát triển hạ tầng số

- Thường xuyên đôn đốc các doanh nghiệp phát triển hạ tầng mạng di động 5G, 6G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng số bằng rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại..., phủ sóng wifi miễn phí tại một số địa điểm tập trung đông người ở các xã, phường trung tâm.

- Chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin, Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ Internet thế hệ mới; triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống tổng hợp dữ liệu dùng chung và điều hành thông minh trong hệ thống chính trị của tỉnh.

- Quản trị vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm, rà soát, bổ sung nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số.

3. Phát triển chính quyền số

3.1. Phát triển dữ liệu số

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu ban hành Đề án Chiến lược dữ liệu của tỉnh đồng bộ, thống nhất với Chiến lược dữ liệu quốc gia, phù hợp với Khung Kiến trúc dữ liệu quốc gia¹ và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số².

- Tham mưu xây dựng kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp; triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành Trung ương; phối hợp với các sở, ngành triển khai kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện cập nhật dữ liệu vào Trung tâm IOC của tỉnh theo quy chế và đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

- Phát triển kinh tế dữ liệu: Phát triển kinh tế dữ liệu trở thành nguồn lực mới và động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng; cụ thể hóa các giải pháp: xây dựng mô hình quản trị dữ liệu; thúc đẩy chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân; hình thành thị trường dữ liệu và nghiên cứu khả năng triển khai thí điểm sàn giao dịch dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

¹ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung;

² Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (Phiên bản 1.0).

- Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI): Đẩy mạnh ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa vận hành và đổi mới phương thức ra quyết định; khuyến khích các bài toán trọng điểm sử dụng AI trong quản lý điều hành, y tế, giáo dục và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận AI.

b) Công an tỉnh

- Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về *“Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035”*.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, nông nghiệp...) theo nguyên tắc dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, và kết nối, chia sẻ qua LGSP/kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ chỉ đạo điều hành, dự báo, cảnh báo sớm.

d) Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường

Xác định các dữ liệu của ngành, lĩnh vực và triển khai theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành, cơ quan cấp trên đảm bảo lộ trình theo Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về triển khai Chiến lược dữ liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

3.2. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Phát triển hạ tầng số và nền tảng số: Nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển hạ tầng tính toán và lưu trữ dữ liệu (điện toán đám mây, hạ tầng phục vụ AI), hạ tầng số xanh, tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp phát triển nền tảng số theo mô hình dịch vụ, mở API, kết nối liên thông.

- Duy trì và nâng cấp hoàn thiện Trung tâm IOC của tỉnh nhằm theo dõi, giám sát các nhóm chỉ số về chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kết nối với các hệ thống, cơ sở dữ liệu của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành.

- Nâng cấp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) cấp tỉnh, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội bộ của tỉnh và kết nối với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành thông qua hệ thống trung gian (Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh) theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung Kiến trúc số tỉnh để trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

b) Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường

Thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của tỉnh theo quy định tại Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng. Trong đó tập trung triển khai: Nền tảng số hóa, lưu trữ tài liệu điện tử; Nền tảng hệ thống hội nghị trực tuyến, Nền tảng phòng họp không giấy; các nền tảng số, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung trong lĩnh vực y tế, giáo dục, xây dựng, an sinh xã hội..., đảm bảo tính liên thông kết nối theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của tỉnh.

c) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

Duy trì sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Phát triển kinh tế số

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu tham mưu Đề án thành lập khu kinh tế số và đổi mới sáng tạo; khu công nghệ số tập trung để thu hút, đón làn sóng đầu tư chất lượng cao, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số trong nước nghiên cứu, làm chủ công nghệ.

- Tham mưu triển khai xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Đôn đốc, triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030 (theo Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 18/5/2026 của UBND tỉnh).

b) Sở Công Thương

- Thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử của các doanh nghiệp để đẩy mạnh giao dịch, mở rộng thị trường, tăng cường tiêu thụ sản phẩm đặc trưng, OCOP của tỉnh tại thị trường trong nước và ngoài nước, gắn với phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới.

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, cải tiến quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, phát triển quy trình sản xuất mới, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và từng bước chuyển dịch sang tự động hóa, sản xuất thông minh.

c) Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

d) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường

- Rà soát, cập nhật các giải pháp phát triển kinh tế số ngành bảo đảm gắn kết với chuyển đổi xanh; bao gồm một số nội dung như: phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số; ứng dụng số trong kiểm kê khí nhà kính, thị trường tín chỉ carbon (lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường); du lịch thực tế ảo, điểm đến thông minh (lĩnh vực Du lịch); và phát triển các mô hình logistics số, nhà máy thông minh (lĩnh vực Công nghiệp - Thương mại); nghiên cứu phát triển kinh tế không gian tầm thấp và nghiên cứu áp dụng hình thức thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với một số mô hình, sản phẩm, dịch vụ mới.

- Chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa phương tích cực tham gia chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số.

- Tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp doanh nghiệp tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới.

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phối hợp với các tổ chức thanh toán trung gian, các Ngân hàng thương mại tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, giải pháp giao dịch điện tử thanh toán trong thương mại và dịch vụ công; chú trọng phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code, NFC, POS...; đảm bảo an toàn thanh toán để góp phần thúc đẩy thanh toán điện tử trong giao dịch thương mại điện tử.

5. Phát triển xã hội số

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Chú trọng thúc đẩy các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân nông thôn, hợp tác với các trường đại học để triển khai các khóa học trực tuyến về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp bền vững.

- Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến,

dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu, tổ chức triển khai chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông; nghiên cứu chủ động phối hợp tích hợp các chương trình đào tạo với sự tham gia của các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành để đảm bảo tính thực tiễn và liên thông dữ liệu giữa các cấp học.

- Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông; hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, trên cơ sở đó có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số.

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 7

- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh và của cơ quan ngành dọc; nắm bắt tình hình thanh toán trên địa bàn để báo cáo, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc các tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh thanh toán điện tử trong khu vực dịch vụ hành chính công góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

d) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường

- Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Công an tỉnh

- Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Công an; tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng theo quy định.

- Triển khai đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, cảnh báo người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường

Phối hợp triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin; triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân và khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng tại cơ quan, đơn vị.

IV. KINH PHÍ

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số bao gồm: ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường trên cơ sở Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch và khái toán kinh phí để triển khai chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; UBND các xã, phường ưu tiên ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án về chuyển đổi số tại địa phương mình.

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ/DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Phân công cơ quan chủ trì, phối hợp triển khai, thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục 2 kèm theo; việc triển khai các nhiệm vụ, dự án được cụ thể, chi tiết trong Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này và các nhiệm vụ đã giao tại Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị khi triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo tuân thủ khung kiến trúc số tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin với nhau theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các Viện, Trường và các tổ chức khoa học và công nghệ định hướng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hằng năm triển khai các nhiệm vụ thực hiện mục tiêu chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh việc hình thành các mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, các Viện, Trường và các tổ chức khoa học và công nghệ trong việc thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất; xây dựng mối liên kết giữa nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và thương mại hóa sản phẩm. Tận dụng tối đa cơ hội và nguồn lực để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến trong đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Định kỳ 06 tháng (vào ngày 15/6) và hàng năm (vào ngày 15/12) báo cáo UBND tỉnh theo quy định về kết quả triển khai thực hiện hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí (bao gồm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư) phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

5. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh; hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

4. Công an tỉnh

- Chủ trì, chịu trách nhiệm chính về đảm bảo an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chủ trì triển khai vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) của tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành đề xuất Bộ Công an và các đơn vị có liên quan kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 7

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai nội dung thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

6. Thuế tỉnh Thanh Hóa

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số.

7. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, hằng năm (*trước ngày 10/12 năm trước*) xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện để bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh; định kỳ 6 tháng (vào ngày 10/6) và hàng năm (vào ngày 10/12) gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định về kết quả triển khai thực hiện hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do các Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

- Thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích việc huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua việc đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước thuê dịch vụ, theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để triển khai các dự án thí điểm tại cơ sở, các hình thức hợp tác khác theo quy định.

- UBND các xã, phường chủ động rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; triển khai các nội dung để thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn quản lý.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến các nội dung tại Kế hoạch này. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tuyên truyền chuyển đổi số trên ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

9. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh làm đầu mối để hỗ trợ phát triển kinh tế số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của doanh nghiệp; triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số toàn diện của doanh nghiệp.

10. Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyển đổi số.

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong chuyển đổi số các ngành lĩnh vực, sẵn sàng tham vấn, triển khai các giải pháp cho chuyển đổi số, là đơn vị tiên phong trong đào tạo chuyển đổi số của tỉnh.

11. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

- Chủ động, đi đầu thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Chủ động tư vấn mô hình thí điểm chuyển đổi số toàn diện cấp xã và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở Kế hoạch này, yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Thanh Hóa;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
I	Phát triển Hạ tầng số								
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh	%	60%	70%	80%	90%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn tỉnh	%	-	-	5%	10%	15%	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	60%	70%	80%	90%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Trung tâm	Có	Có	Có	Có	Có	Công an tỉnh	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm	01	02	02	02	03	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy.	Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
II	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động								
1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	90%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
									ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95%	99%	99%	99%	99%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
3	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính quyền số được đưa vào sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch	%	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
4	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	%	80%	85%	90%	95%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
5	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI	%	80%	85%	90%	95%	100%	Các sở, ngành cấp tỉnh	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định	%	90%	95%	100%	100%	100%	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ;
7	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số	%	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
8	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số	%	50%	70%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	%	80%	90%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
III	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế								
1	Quy mô kinh tế số GRDP	%	10%	12%	15%	17%	20%	Thống kê tỉnh	- Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026; - Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	%	40%	45%	50%	55%	60%	Sở Khoa học và Công nghệ	- Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 15/7/2026; - Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	10%	12%	15%	17%	17%	Sở Công Thương	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	%	30%	30%	35%	40%	45%	Sở Công Thương	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	%	30%	32%	35%	37%	40%	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
IV	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số								
1	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	%	80%	80%	80%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi đủ điều kiện trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	80%	85%	90%	95%	95%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 7	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	50%	55%	60%	65%	> 70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1266/QĐ- TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
4	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử	%	93%	95%	95%	95%	100%	Sở Y tế	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
5	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	70%	> 70%	75%	80%	80%	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
6	Tỷ lệ người dân trưởng thành có đủ điều kiện được cài đặt Ứng dụng số Thanh Hóa	%	80%	95%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bổ sung mới

Phụ lục 2
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Cập nhật, duy trì Khung kiến trúc số tỉnh, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Quyết định ban hành Khung kiến trúc số. Các hoạt động triển khai Khung kiến trúc số.	Thường xuyên
2	Triển khai Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh phù hợp, đồng bộ với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	- Danh mục dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở. - Các hoạt động triển khai Khung kiến trúc.	Thường xuyên
3	Các quy định về vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung	Các sở, ban, ngành là cơ quan chủ quản của hệ thống/nền tảng.	Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Các quy định, quy chế phát triển, vận hành hạ tầng số và các nền tảng số dùng chung của tỉnh	- Đối với các Hệ thống, Nền tảng đã đưa vào vận hành: thực hiện rà soát, trình phê duyệt/ điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. - Đối với các Hệ thống, Nền tảng dự kiến triển khai: trình phê duyệt Quy chế ngay sau khi đưa vào vận hành
4	Điều chỉnh tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm được ban hành	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành	Thường xuyên
6	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành	Thường xuyên
7	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Các quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền ban hành	Thường xuyên
II	Phát triển hạ tầng số				
1	Tổ chức triển khai phát triển hạ tầng kết nối mạng thông tin di động (trạm BTS) 5G và IoT trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Theo lộ trình Kế hoạch 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh
2	Duy trì Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Kịch bản điều hành và các báo cáo biểu diễn dựa trên dữ liệu	Thường xuyên
3	Đảm bảo hạ tầng, trang thiết bị mạng nội bộ cho hệ thống thông tin.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	100% các cơ quan, đơn vị được bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin.	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
4	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thể mạnh của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 3 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
5	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, sản xuất, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công thiết yếu.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
6	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.	Các sở, ngành cấp tỉnh	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
7	Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác, kèm theo lộ trình áp dụng phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh và các đơn vị liên quan	Văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
III	Phát triển dữ liệu số; các ứng dụng, nền tảng số				
1	Triển khai, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân các xã, phường.	100% các cơ sở dữ liệu QG và chuyên ngành được thực hiện	Theo tiến độ của Trung ương
2	Triển khai Đề án Chiến lược dữ liệu của tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân các xã, phường.	100% các nhiệm vụ của Đề án được thực hiện đảm bảo đúng tiến độ	Năm 2026 - 2030
3	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; và các đơn vị liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2026 - 2030
4	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; triển khai khai thác dữ liệu thay thế một số giấy tờ trong hồ sơ khi người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức; duy trì, kết nối, đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia	Thường xuyên
5	Ban hành công bố dữ liệu mở tỉnh, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Văn bản của cấp có thẩm quyền	2026
6	Triển khai quy định, quy chuẩn kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu phục vụ triển khai Đề án Chiến lược dữ liệu.	Các cơ quan/đơn vị là chủ quản của cơ sở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện theo Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của tỉnh và Chiến lược dữ liệu của tỉnh	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
7	Đẩy nhanh tiến độ thu thập, số hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tập trung hoàn thành việc số hóa và làm sạch các cơ sở dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành như đất đai, nhà ở... gắn định danh chủ sở hữu với số định danh cá nhân để phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Các cơ quan/đơn vị là chủ quản của cơ sở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu Quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Thường xuyên
8	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Các sở, ngành cấp tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026
9	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu và các lĩnh vực có yêu cầu cao về minh bạch, tiêu chuẩn và kết nối thị trường.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
10	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Các sở, ngành cấp tỉnh	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
11	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030
12	Thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh; ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.	Các sở, ngành cấp tỉnh	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
13	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các sở, ngành, địa phương.	Các sở, ngành cấp tỉnh	UBND các xã, phường	Kế hoạch hoặc Quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Thường xuyên
14	Duy trì sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thường xuyên
15	Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các sở ngành, liên thông, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan/đơn vị là chủ quản của cơ sở dữ liệu	Nền tảng LGSP	Năm 2026 - 2027
16	Thuê và duy trì nền tảng phục vụ vận hành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Nâng cấp hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Năm 2026 - 2030
17	Rà soát, cập nhật Danh mục nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Danh mục nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của tỉnh	Thường xuyên
18	Triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành	Các sở, ban, ngành	Ủy ban nhân dân các xã, phường	100% các hệ thống thông tin chuyên ngành được tích hợp vào Hệ thống tổng hợp dữ liệu dùng chung và điều hành thông minh của tỉnh	Năm 2026 - 2030
19	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành Lãnh đạo tỉnh	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
IV	Phát triển doanh nghiệp số				
1	Triển khai các nhiệm vụ tại kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 18/5/2026 về hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030	Các sở, ngành cấp tỉnh	UBND các xã, phường	100% nhiệm vụ của Kế hoạch được hoàn thành	2026 - 2030
2	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược.	Các sở, ngành cấp tỉnh	UBND các xã, phường	Ít nhất có 05 mô hình phát triển kinh tế số được hình thành	2026 - 2030
V	Phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số				
1	Tiếp tục triển khai chuẩn kỹ năng số và Khung kỹ năng số quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
3	Triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
4	Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch, chương trình đào tạo	Thường xuyên
6	Tiếp tục nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
7	Phổ cập công dân số, hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
8	Đẩy mạnh các hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng; có chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường, kết hợp xã hội hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
VI	Tăng cường hợp tác quốc tế				
1	Chủ động hợp tác trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Nghiên cứu và tham mưu chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2027